

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2023/HS- ST**
Ngày: 16/02/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Tuấn Anh.**

Bà **Lò Thị Cải.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lò Thị Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Trần Hồng Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/HSST- QĐ ngày 29/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/HSST- QĐ ngày 18/01/2023 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn P**; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1974, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản NH, xã PL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Lào; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lường Văn B (Đã chết); Con bà: Lường Thị P1, sinh năm 1956; Bị cáo có vợ là Lò Thị 2t; sinh năm 1979; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án: Có 01 tiền án, Ngày 04/4/2013 Bị cáo bị TAND huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số: 118/2013/HSST, ngày 15/7/2015 Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, tính đến thời điểm phạm tội lần này Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên. Tiền sự: Không. Về nhân thân, Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/9/2022 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho Bị cáo: Bà **Lê Thị Thúy An** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

- Những người có nghĩa vụ liên quan gồm: Ông **Lường Văn T**; sinh năm 1997; ông **Lò Văn S**; sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Bản NH, xã PL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

- Những người làm chứng gồm: Ông Lường Văn P2; sinh năm 1985; ông Lường Văn P3; sinh năm 1966; ông Lường Văn P4; sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Bản NH, xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 22/02/2017, Lường Văn P một mình đi xe khách từ khu vực xã PL, huyện DB đến khu vực bản PH, xã HM, huyện DB, tỉnh Điện Biên để tìm mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Khi đi đến khu vực đường thuộc bản NC, xã HM, huyện DB, Bị cáo gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ), 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh, miệng gói được buộc thắt nút với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Bị cáo cất giấu gói ma túy vào trong chiếc ví rồi cất trong túi áo ngực bên trái đang mặc và đi bộ về nhà. Bị cáo đi bộ về đến nhà khoảng 23 giờ cùng ngày. Đến khoảng 07 giờ ngày 23/02/2017, Bị cáo mang theo chiếc ví màu đen để ở trong túi áo ngực đang mặc, bên trong ví có 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh, miệng gói được buộc thắt nút; 01 chiếc dao lam và số tiền 325.000 đồng; 01 chiếc bật lửa ga để ở túi quần bên trái đang mặc rồi đi bộ đến nhà Lường Văn P2 (là em trai ruột của Bị cáo) ở cùng bản NH, xã PL với mục đích để sử dụng ma túy và nếu có ai hỏi mua ma túy thì sẽ bán. Khi đến nơi, Bị cáo thấy P2 đang ngồi hút thuốc lào, còn Lường Văn T (em trai ruột của Bị cáo) đang ngủ. Khi đó, Bị cáo lấy ra 01 chiếc ví màu đen, bên trong có 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh, 01 chiếc dao lam và 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ để trên ghế, sau đó Bị cáo lấy một ít Heroine ra để sử dụng thì P2 xin Bị cáo một ít để sử dụng, Bị cáo đồng ý, sau đó cả hai sử dụng hết số Heroine mà Bị cáo lấy ra bằng hình thức hít. Tại thời điểm Bị cáo và P2 sử dụng ma túy có Lò Văn S (là em rể của Bị cáo) đến nhà P2 với mục đích để gọi Lường Văn T dậy đi làm thuê, khi thấy P2 và Bị cáo sử dụng ma túy thì T rủ S ra chỗ Bị cáo mua nợ trước hai cục Heroine với giá 100.000 đồng, tới đi làm thuê về có tiền sẽ trả sau. S đồng ý, sau đó cả T và S đến chỗ Bị cáo để mua nợ mỗi người 1 cục Heroine, Bị cáo đồng ý, Bị cáo dùng dao lam cắt bán cho T và S mỗi người 01 cục Heroine. Sau khi mua được ma túy T và S đã ra khu vực bếp trong nhà P2 ngồi sử dụng hết số Heroine bằng hình thức hít. Sau đó, có Lường Văn P3 (là anh họ của Bị cáo) đến nhà P2 để chơi. Khi Bị cáo và P2, P3 đang ngồi chơi thì T tiếp tục đến hỏi Bị cáo mua Heroine và đưa cho Bị cáo 50.000 đồng, Bị cáo nhận tiền rồi đưa cho T 01 cục Heroine. Sau khi T mua được Heroine, T gọi S lên khu vực bếp nhà P2 để cùng nhau sử dụng ma túy thì có Lường Văn P4 (là anh trai ruột của Bị cáo) cũng lên nhà P2 ngồi chơi. Đến 08 giờ cùng ngày, khi S đi ra cửa bếp nhìn thấy Tổ công tác Công an huyện DB phối hợp với Đoàn biên phòng Cửa khẩu Huổi Puốc - Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên đến nhà P2, do giật mình nên S đã hô “Công an đến”, Nghe thấy S hô vậy, Bị cáo cầm theo gói Heroine chạy ra hiên nhà nhảy xuống sân và đánh rơi gói Heroine tại sân nhà P2. Tổ công tác tiến hành truy đuổi Bị cáo nhưng Bị cáo đã bỏ chạy thoát. Tổ công tác thu giữ tại sân nhà P2 (vị trí Bị cáo

nhảy) có 01 gói nilon màu xanh, bên trong có 0,4 gam Heroine, kiểm tra vị trí Bị cáo ngồi trong nhà P2 thu được 01 chiếc ví màu đen bên trong có số tiền 375.000 đồng, 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ, 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy phần giấy, 01 chiếc dao lam. Sau khi bỏ chạy, Bị cáo đã trốn tại các lán nương trên rừng thuộc tỉnh Sơn La. Đến ngày 05/9/2022 Bị cáo từ Sơn La trở về nhà tại bản NH, xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Sau đó, ngày 11/9/2022 Bị cáo đến UBND xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên để đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số: 319/GĐ-PC09 ngày 05/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu vật gửi giám định được trích ra từ vật chứng thu giữ của Lường Văn P2 là chất ma túy: Loại Heroine. Trọng lượng vật chứng thu giữ của Lường Văn P2 là 0,4 gam đã trích mẫu gửi giám định. Vật chứng còn lại sau giám định là 0,21 gam.

Tại bản kết luận giám định số: 1277/KL-KTHS ngày 27/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) có số mã hiệu cụ thể: NS13270959 là tiền thật.

- 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) có số mã hiệu cụ thể: VP06570936; IG04435503; EP12534336 là tiền thật.

- 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) có số mã hiệu cụ thể: NR14220137; RD16238970 là tiền thật.

- 07 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng) có số mã hiệu cụ thể: WA08451620; RA15657440; GT13806892; QB15737820; TH09940795; IA09583131; UD15513355 là tiền thật.

- 03 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng (năm nghìn đồng) có số mã hiệu cụ thể: AD3668166; IP0801222; DF1478961 là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số: 256/CT-VKSDB ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện DB truy tố bị cáo Lường Văn P về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194/BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (nay là điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015).

Xử phạt Bị cáo: Từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47; khoản 2 Điều 106/BLHS năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 0,21 gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau giám định; 01 chiếc ví màu đen; 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 giấy bạc đã qua sử dụng và 01 dao lam hiện không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) do Bị cáo đã bán ma túy cho Lương Văn T mà có.

Trả lại cho Bị cáo số tiền 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí HSST cho Bị cáo.

Người bào chữa cho Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, cho rằng Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử bị cáo là đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo, Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX miễn án phí cho Bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn P khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 08 giờ ngày 23/02/2017 tại nhà của Lương Văn P2 ở bản NH, xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Lương Văn P đã có hành vi cất giấu trái phép 0,4 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán lẻ kiếm lời, cụ thể: Bị cáo Lương Văn P đã có hành vi 01 lần mua bán trái phép ma túy cho Lò Văn S và 02 lần mua bán trái phép ma túy cho Lương Văn T. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu T tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt

chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

.....

b) Phạm tội nhiều lần;”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở T công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, của Bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra tại xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Bị cáo không được đi học, ở nhà làm ruộng cùng gia đình. Từ năm 1998 kết hôn với bà Lò Thị Phút; sinh năm 1979 và có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 1999; con nhỏ nhất sinh năm 2006. Ngày 04/4/2013 Bị cáo bị TAND huyện DB, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số: 118/2013/HSST, ngày 15/7/2015 Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, tính đến thời điểm phạm tội lần này Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên. Tiền sự: Không. Về nhân thân, Bị cáo có nhân thân xấu.

- Tình tiết tăng nặng: Ngày 04/4/2013 Bị cáo bị TAND huyện DB, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số: 118/2013/HSST, ngày 15/7/2015 Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, tính đến thời điểm phạm tội lần này Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên lại tiếp tục phạm tội mới, chính vì vậy Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (nay là điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015)

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46; Bị cáo đã tự ra đầu thú vì vậy được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (nay là điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015).

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên và Người bào chữa tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (nay là khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án gồm: Căn cứ khoản 1 Điều 47/BLHS; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 0,21 gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau giám định; 01 chiếc ví màu đen; 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 giấy bạc đã qua sử dụng và 01 dao lam đã qua sử dụng, hiện không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) do Bị cáo đã bán ma túy cho Lường Văn T mà có.

Đối với số tiền 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi năm nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Bị cáo.

[6] Các vấn đề khác:

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua của một người đàn ông dân tộc Mông (Bị cáo không biết tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ ở đâu) Cơ quan điều tra công an huyện DB và Viện kiểm sát nhân dân huyện DB không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với Lường Văn T và Lò Văn S là người đã mua ma túy của Bị cáo và đã sử dụng hết. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lường Văn T và Lò Văn S đã được đề cập xử lý trong vụ án của Lường Văn P2 vào năm 2017 vì vậy Cơ quan điều tra công an huyện DB và Viện kiểm sát nhân dân huyện DB không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của Những người có nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lường Văn T; ông Lò Văn S; Cùng địa chỉ: Bản NH, xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên; Những người làm chứng gồm: Ông Lường Văn P2; ông Lường Văn P3;

ông Lương Văn P4; Cùng địa chỉ: Bản NH, xã PL, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Xét thấy những Người có nghĩa vụ liên quan; những Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra những Người nghĩa vụ liên quan; Những Người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt những Người nghĩa vụ liên quan; những Người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Tuy nhiên Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (nay là điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn P phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Bị cáo: **07 năm 06 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (11/9/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47/ BLHS; khoản; điểm a khoản 3 Điều 106/ BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 0,21 gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau giám định; 01 chiếc ví màu đen; 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 giấy bạc đã qua sử dụng và 01 dao lam đã qua sử dụng, hiện không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) do Bị cáo đã bán ma túy cho Lương Văn T mà có.

Trả lại cho Bị cáo số tiền 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi năm nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện DB và Chi cục thi hành án dân sự huyện DB, tỉnh Điện Biên).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí HSST cho Bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Trần Thị Tố Loan